

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 986/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 26 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình
Mở rộng một số tuyến đường ống hệ thống cấp nước Hòa Sơn - Ma Nới,
huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2017/TT-BXD ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 sửa đổi, bổ sung Điều 5 Quy định phân công, phân cấp Quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận;



[Handwritten signature]

Căn cứ Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Mở rộng một số tuyến đường ống hệ thống cấp nước Hòa Sơn - Ma Nới, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Văn bản số 772/UBND-KTTH ngày 16/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đồng ý tiếp tục áp dụng Đơn giá nhân công xây dựng công trình theo Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Văn bản số 1169/UBND-KTTH ngày 08/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc chấp thuận chủ trương thực hiện các hạng mục công trình chống hạn bằng nguồn kinh phí thu tiền năm 2020;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1865/TTr-SXD ngày 19/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình với những nội dung như sau:

1. Tên công trình: Mở rộng một số tuyến đường ống hệ thống cấp nước Hòa Sơn - Ma Nới, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

2. Chủ đầu tư: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh.

3. Mục tiêu đầu tư: Nhằm đáp ứng nhu cầu cấp bách sử dụng nước của 195 hộ dân đồng bào dân tộc Rắc Lây thôn Hòa Sơn - Ma Nới, huyện Ninh Sơn trong mùa khô hạn, giảm thiểu tối đa thiên tai, dịch bệnh cho người dân, cải thiện tình trạng sức khỏe, cải thiện môi trường, điều kiện lao động giúp nhân dân các xã miền núi an tâm phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất tinh thần, ổn định cuộc sống, từng bước chuyển hóa và thay đổi bộ mặt làng xã miền núi. Đồng thời nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng hệ thống cấp nước Hòa Sơn - Ma Nới, huyện Ninh Sơn theo đúng công suất thiết kế.

4. Nội dung và quy mô đầu tư:

Mở rộng một số tuyến đường ống HTCN Hòa Sơn - Ma Nới, huyện Ninh Sơn với tổng chiều dài $L=2.176,0m$, sử dụng Ống uPVC D80mm(90mmx4,3mmx6m), Ống uPVC D65mm(75mmx3,6mmx4m) và Ống STK (75mmx3,0mmx6m). Trong đó:

- Tuyến ống T1: Ống uPVC D65mm(75mmx3,6mmx4m), $L=242,0m$.
- Tuyến ống T2: Ống uPVC D65mm(75mmx3,6mmx4m), $L=151,0m$.
- Tuyến ống T3: Ống uPVC D65mm(75mmx3,6mmx4m), $L=224,0m$.
- Tuyến ống T4: Ống uPVC D80mm(90mmx4,3mmx6m), $L=367,0m$.
- Tuyến ống T5: Ống uPVC D65mm(75mmx3,6mmx4m), $L=350,0m$.

h

- Tuyến ống T6: Ống uPVC D65mm(75mmx3,6mmx4m), L=169,0m.
- Tuyến ống T7: Ống uPVC D65mm(75mmx3,6mmx4m), L=165,0m.
- Tuyến ống T8: Ống uPVC D65mm(75mmx3,6mmx4m), L=184,0m.
- Tuyến ống T9: Ống uPVC D65mm(75mmx3,6mmx4m), L=303,0m và Ống STK (75mmx3,0mmx6m), L=21,0m.
- Xây dựng 01 hồ van đầu nổi HV1.

5. Nhà thầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Hưng Thịnh.

6. Địa điểm xây dựng: huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

7. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được áp dụng:

- QCVN 07-1: 2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình cấp nước.

- TCXDVN 33 - 2006 cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình —Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9398:2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung.

- TCVN 5574:2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5575:2012: Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9343:2012: Kết cấu và bê tông cốt thép - Hướng dẫn công tác bảo trì.

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 6477:2016: Gạch Bê tông.

- Các tiêu chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn ngành khác có liên quan.

8. Số bước thiết kế: 01 bước (lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình).

9. Tổng mức đầu tư: **527.832.896 đồng.**

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	426.233.325 đồng;
Chi phí quản lý dự án:	10.706.206 đồng;
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	58.800.884 đồng;
Chi phí khác:	6.957.581 đồng;
Chi phí dự phòng:	25.134.900 đồng;

(Kèm theo bảng tổng hợp kinh phí do Sở Xây dựng thẩm định và xác lập tại Văn bản số 1864/SXD-QLHĐXD&HTKT ngày 19/6/2020).

h

10. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn kinh phí thu tiền nước năm 2020 của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn (theo Văn bản số 1169/UBND-KTTH ngày 08/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

11. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Chủ đầu tư (Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng nội dung được duyệt tại Điều 1 của Quyết định này và các quy định hiện hành có liên quan về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh Trần Quốc Nam;
- Chủ đầu tư (03 bản QĐ);
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. Huy



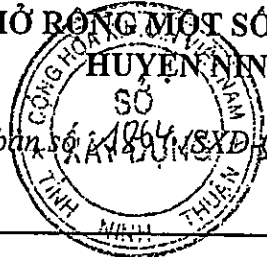
**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Nam

TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

CÔNG TRÌNH: MỞ RỘNG MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG ỐNG HTCN HÒA SƠN - MA NÓI,
HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN.

(Đính kèm Văn bản số 1964/SXD-QLHĐXD&HTKT ngày 19/6/2020 của Sở Xây dựng)



Đơn vị tính: Đồng

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	THÀNH TIỀN
I	Chi phí xây dựng trước thuế	G_{tt}		387.484.841
	Phân xây dựng			179.312.522
	Phân lắp đặt			208.172.319
	THUẾ GTGT	GTGT	G x 10%	38.748.484
II	Chi phí xây dựng sau thuế	G_{XD}	G_{tt} + GTGT	426.233.325
II	Chi phí quản lý dự án	G_{QLDA}	G_{tt} x 2,763%	10.706.206
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	G_{TV}	G_{TV} = TV1+...+TV5	58.800.884
1	Chi phí khảo sát địa hình	TV1	Bảng tính	21.283.278
2	Chi phí giám sát khảo sát địa hình	TV2	TV1 x 4,072%	866.655
3	Chi phí lập BCKTKT	TV3	G _{tt} x 5,8% x 1,1	24.721.533
4	Chi phí lập HSYC&ĐG hồ sơ đề xuất	TV4	G _{tt} x 0,388% x 60% x 1,1	992.271
5	Chi phí giám sát thi công xây lắp	TV5	G _{tt} x 2,566% x 1,1	10.937.147
IV	Chi phí khác	G_K	K1+...+K5	6.957.581
1	Phí thẩm định BCKTKT	K1	(TDT~527 triệu) x 0,019%	100.130
2	Chi phí thẩm định HSYC&KQLCNT thi công	K2	Tối thiểu	2.000.000
3	Chi phí bảo hiểm công trình	K3	G _{tt} x 0,34% x 1,1 (Tạm tính)	1.449.193
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	K4	(TCP~ 502 triệu) x 0,57%	2.861.400
5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	K5	TV5 x 5% (Tạm tính)	546.857
	Tổng các chi phí	TCP	G _{XD} +G _{QLDA} +G _{TV} +G _K	502.697.996
V	Chi phí dự phòng	G_{DP}	TCP x 5%	25.134.900
VI	Tổng dự toán công trình	TDT	TCP + G_{DP}	527.832.896

Người lập

Phan Thị Thanh Huyền

P. Trưởng phòng QLHĐXD&HTKT

Nguyễn Khắc Hoan

